TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/DS-ST
Ngày 16/4/2018
V/v "Tranh chấp về bồi hoàn kinh phí đào tạo".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phi Hùng

Bà Trần Thị Thu Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2016/TLST - DS ngày 15/6/2017 về việc "Tranh chấp bồi hoàn kinh phí đào tạo", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trung tâm phát triển B. Địa chỉ: Tầng 29 T, 24 T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Phạm Minh H, sinh năm 1987 - chức vụ: Phó trường phòng quản lý nhân lực; Có mặt.

Địa chỉ: 36/14 N, quận H, thành phố Đà Nẵng.

2. Bà Nguyễn Phạm Thùy T, sinh năm 1993; Có mặt.

Địa chỉ: K54/53 K322 H, quận T, thành phố Đà Nẵng.

3. Ông Hà Đồng T, sinh năm 1990; Có mặt.

Địa chỉ: Số 37 Lương Thế V, quận S, thành phố Đà Nẵng.

(Giấy ủy quyền lập ngày 01/12/2017)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hà Đồng Thông – Luật sư của văn phòng luật sư Đồng Thông, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: 63 Hoàng Văn Thụ, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Đồng bị đơn:

1. Bà Hoàng Thị Bích V, sinh năm 1995. Vắng mặt.

Địa chỉ: 86 N, R, Australia.

2. Ông Hoàng Xuân H, sinh năm 1963. Có mặt.

Địa chỉ: 19 H, tổ 67, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phạm Thị Minh H, bà Nguyễn Phạm Thùy T và ông Hà Đồng T cùng thống nhất trình bày: Bà Hoàng Thị Bích V tham gia đề án B (đề án A) và được thành phố Đà Nẵng cử đi học chương trình cử nhân danh dự về phát triển đô thị, ngành quy hoạch vùng và đô thị tại Đại học Kỹ thuật Queensland, Úc. Thời gian đào tạo theo dự kiến là 4 năm, bắt đầu từ ngày 21/7/2014 (Theo quyết định số 3486/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng).

Ngày 09/3/2016, theo bảng điểm học kỳ I năm thứ hai của bà Hoàng Thị Bích V do Đại học Kỹ thuật Queensland cung cấp, Trung tâm nhận thấy, bà V đã trượt 02 môn trong số 03 môn đăng ký học. Trong số 02 môn trượt, có 01 môn do bà V không tham dự kỳ thi và môn học còn lại do không nộp bài đánh giá. Đồng thời bà V đã tự rút khỏi chương trình học kể từ ngày 04/12/2015 nhưng không cung cấp lý do bỏ học cho cơ sở đào tạo.

Ngày 05/7/2016 bà Hoàng Thị Bích V gửi đơn đến Trung tâm trình bày nội dung: trong 02 môn học bị trượt, có 01 môn bà V đã nộp bài thi nhưng cơ sở đào tạo không nhận được, 01 môn do bà V bị ốm đột xuất nên không tham dự kỳ thi, và không được thi lại do không cung cấp được giấy chứng nhận của bác sĩ theo yêu cầu của nhà trường. Từ đó, bà V tự ý rút khỏi chương trình học và chuyển sang học ở cơ sở đào tạo khác khi chưa báo cáo cho Trung tâm.

Trung tâm đã mời bà V tham dự buổi làm việc với đại diện của Trung tâm tại Đại học Queensland, Úc vào ngày 07/10/2016 nhưng bà V không phản hồi và không đến dự. Ngày 01/11/2016 Trung tâm có buổi làm việc với gia đình bà V thì được biết bà V đang theo học tại một trường khác và vừa học vừa đi làm thêm để trang trải tiền học.

Việc bà Hoàng Thị Bích V tự ý rút khỏi chương trình học khi chưa có ý kiến của Trung tâm là vi phạm điểm 2 khoản 1 điều 6 Hợp đồng đào tạo số 37/2014/HĐĐA-NN-NLCLC ngày 08/7/2014: "Tự ý bỏ học hoặc bị cơ sở đào tạo buộc thôi học, tự ý chuyển đổi ngành học hoặc cơ sở đào tạo". Ngày 09/11/2016 UBND thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định số 7741/QĐ-UBND về việc chấm

dứt tham gia đề án và bồi thường kinh phí do phi phạm hợp đồng đào tạo đối với bà V. Theo quy định tại Hợp đồng đào tạo đã ký, bà V có nghĩa vụ bồi thường cho thành phố gấp 5 lần toàn bộ kinh phí đã nhận từ ngân sách thành phố kể từ khi tham gia Đề án. Tuy nhiên nhằm tạo điều kiện cho bà V hoàn trả kinh phí đào tạo cho thành phố theo chủ trương mới của thành phố về mức bồi hoàn và thời gian bồi hoàn (Công văn số 6883/UBND-VX ngày 05/8/2014 của UBND thành phố Đà Nẵng), Trung tâm đã có công văn số 511/NLCLC-ĐTBD ngày 30/11/2016 gửi bà V và gia đình thông báo số tiền bồi hoàn và hướng dẫn cách nộp tiền vào ngân sách thành phố. Theo đó, bà V liên đới cùng ông Hoàng Xuân H nộp bồi hoàn 100% kinh phí đã nhận kể từ khi tham gia Đề án, tương đương số tiền 1.097.815.136 đồng, thời hạn nộp trước ngày 06/02/2017.

Ngày 09/5/2017 Trung tâm đã gửi công văn số 75/NLCLC-ĐTBD đề nghị bà Hoàng Thị Bích V và ông Hoàng Xuân H hoàn thành việc bồi hoàn kinh phí. Đến nay, đã quá thời hạn yêu cầu nhưng ông H và bà V chưa thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn. Do đó, Trung tâm đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng buộc bà Hoàng Thị Bích V liên đới cùng ông Hoàng Xuân H bồi hoàn kinh phí đào tạo cho thành phố Đà Nẵng số tiền 1.097.815.136 đồng, và tiền lãi trên số tiền chậm trả tính từ ngày 06/02/2017 đến nay, theo lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn do ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định là 13.234.771 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn – ông Hà Đồng Thông trình bày: Ông thống nhất với trình bày của bà Nguyễn Phạm Minh H, bà Nguyễn Phạm Thùy T và ông Hà Đồng T, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng buộc bà Hoàng Thị Bích V liên đới cùng ông Hoàng Xuân H bồi hoàn kinh phí đào tạo cho thành phố Đà Nẵng số tiền 1.097.815.136 đồng, và tiền lãi trên số tiền chậm trả tính từ ngày 06/02/2017 đến nay, theo lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn do ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định là 13.234.771 đồng, tổng cộng số tiền phải bồi hoàn là 1.111.049.907đ.

Bị đơn bà Hoàng Thị Bích V có văn bản ngày 21/12/2017, được hợp thức hóa lãnh sự ngày 21/12/2017, trình bày như sau:

Bà V thừa nhận về việc tham gia đề án B (đề án A) và được thành phố Đà Nẵng cử đi học chương trình cử nhân danh dự về phát triển đô thị, ngành quy hoạch vùng và đô thị tại Đại học Kỹ thuật Queensland, Úc. Thời gian đào tạo theo dự kiến là 4 năm, bắt đầu từ ngày 21/7/2014. Trong học kỳ thứ hai năm nhất bà V bị trượt 01 môn. Đến học kỳ thứ nhất năm 2, bà V đăng ký học 03 môn, nhưng do năng lực tiếp thu không đáp ứng, bà V bị trượt 02 môn. Do kết quả học tập không đạt được tiêu

chí như phía Trung tâm đề ra, bà V biết không thể tiếp tục tham gia đề án A cũng như nhận kinh phí từ Trung tâm, nên đã xin học ở một trường khác phù hợp với sức học và điều kiện kinh tế của bản thân. Việc kết quả học tập của bà V trong hai kỳ học liên tiếp dưới trung bình đã vi phạm điều 6 Hợp đồng đào tạo. Theo khoản 3 điều 6 Hợp đồng đào tạo, học viên bị buộc ra khỏi đề án và hoàn trả 50% kinh phí đã được nhận từ ngân sách thành phố. Nay bà V và ông H xin được bồi hoàn 50% kinh phí đã được nhận từ ngân sách thành phố. Do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên bà V và ông H sẽ cố gắng trả số tiền trên sớm nhất có thể.

Ông Hoàng Xuân H trình bày:

Ông H thừa nhận việc ông và bà Hoàng Thị Bích V cùng ký hợp đồng đào tạo số 37/2014/HĐĐA-NN-NLCLC với Trung tâm Phát triển B. Thống nhất với trình bày của bà V về việc do năng lực tiếp thu của bà V không theo kịp chương trình học nên đã rớt hai học kỳ liên tiếp và bị Trung tâm ngừng cung cấp học phí. Do đó, bà V đã chuyển sang học trường khác có học phí thấp hơn mà không thông báo cho Trung tâm biết. Việc bà V tự chuyển trường là vi phạm Hợp đồng đào tạo, ông H và bà V xin được bồi hoàn kinh phí đào tạo đã nhận. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, không thể thanh toán toàn bộ số tiền như Trung tâm yêu cầu. Ông H mong muốn Tòa án xem xét đến nguyên nhân bà V chuyển trường là do bị rớt 2 học kỳ liên tiếp để miễn giảm cho ông và bà V 50% số tiền trên và xin được trả dần trong 5 năm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn là bà Hoàng Thị Bích V có địa chỉ cư trú tại 86 N, R, Australia nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng theo quy định tại Điều 37, 40, 469 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý cho bà Hoàng Thị Bích V theo đường bưu điện. Đến ngày 21/12/2017 Tòa án đã nhận được văn bản trình bày ý kiến của bà V đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, văn bản

được xác nhận chữ ký hợp pháp tại Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Sydney - Australia. Tuy nhiên, bà V không tham gia tố tụng tại các phiên hòa giải, phiên tòa, không có yêu cầu giải quyết vắng mặt bà, nên Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà V.

[3] Bà Hoàng Thị Bích V tự nguyện tham gia đề án B (đề án A) và được thành phố Đà Nẵng cử đi học chương trình cử nhân danh dự về phát triển đô thị, ngành quy hoạch vùng và đô thị tại Đại học Kỹ thuật Queensland, Úc. (Quyết định số 3486/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng). Trên cơ sở đó, bà Hoàng Thị Bích V và ông Hoàng Xuân H đã ký kết Hợp đồng đào tạo số 37/2014/HĐĐA-NN-NLCLC ngày 087/2014 với Trung tâm phát triển B . Thời gian đào tạo theo dự kiến là 4 năm, bắt đầu từ ngày 21/7/2014. Tuy nhiên, bà V đã tự rút khỏi chương trình học kể từ ngày 04/12/2015 nhưng không cung cấp lý do bỏ học cho cơ sở đào tạo, không báo cáo với Trung tâm. Ngày 09/3/2016, theo bảng điểm học kỳ I năm thứ hai của bà Hoàng Thị Bích V do Đại học Kỹ thuật Queensland cung cấp, bà V đã trượt 02 môn trong số 03 môn đăng ký học. Trong số 02 môn trượt, có 01 môn do bà V không tham dự kỳ thi và môn học còn lại do không nộp bài đánh giá.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc đồng bị đơn liên đới bồi hoàn 100% số tiền bà V đã được chi trả cho quá trình học tập tại Úc, tương đương 1.097.815.136 đồng, và tiền lãi trên số tiền chậm trả tính từ ngày 06/02/2017 theo lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn do ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định là 13.234.771 đồng, tổng số tiền là 1.111.049.907 đồng thì thấy: Việc bà V không tham dự kỳ thi và không nộp bài đánh giá dẫn đến bị trượt 02 môn trong số 03 môn đăng ký học, sau đó tự ý chuyển đổi cơ sở đào tạo đã vi phạm Khoản 01 điều 6 Hợp đồng đào tạo số 37/2014/HĐĐA-NN-NLCLC ngày 087/2014: *"Học viên bị buộc ra khỏi đề án và bồi thường gấp 5 (năm) lần toàn bộ kinh phí đã được nhận từ ngân sách thành phố kể từ khi bắt đầu tham gia Đề án trong các trường hợp sau: - Tự ý bỏ học hoặc bị cơ sở đào tạo buộc thôi học; tự ý chuyển đổi ngành học hoặc cơ sở đào tạo"*. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp, cần được chấp nhận.

[5] Xét trình bày của bà V về việc có nộp bài đánh giá nhưng cơ sở đào tạo không nhận được, bà V không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc có nộp bài đúng thời hạn và quy định của cơ sở đào tạo; ngoài ra việc bà V bị ốm đột xuất không thể tham gia kỳ thi, không được thi lại bà V cũng không cung cấp được chứng nhận của bác sĩ về tình trạng bệnh. Do đó, ý kiến của bà V về việc xin được bồi hoàn

50% kinh phí đào tạo theo quy định tại Khoản 3 điều 6 Hợp đồng đào tạo là không có căn cứ nên không được HĐXX chấp nhận.

[6] Xét trình bày của ông Hoàng Xuân H về việc xin được miễn giảm số tiền bồi hoàn kinh phí đào tạo do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn không được nguyên đơn đồng ý và không có căn cứ, nên không chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm bà Hoàng Thị Bích V và ông Hoàng Xuân H phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 37, 40, 147, 227, 469, 477, 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 280, 288 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị định số 143/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Trung tâm phát triển B đối với bà Hoàng Thị Bích V và ông Hoàng Xuân H.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Hoàng Thị Bích V và ông Hoàng Xuân H phải liên đới hoàn trả cho Trung tâm phát triển B số tiền 1.111.049.907đ. Trong đó nợ gốc là 1.097.815.136đ và tiền lãi là 13.234.771đ (lãi tính từ ngày 16/02/2017 đến nay).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Hoàng Thị Bích V và ông Hoàng Xuân H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 45.331.497 đồng (Bốn mươi lăm triệu ba trăm ba mươi mốt ngàn bốn trăm chín mươi bảy đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Hoàng Thị Bích V được

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục thi hành án Dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Tấn Anh